

Số: 336/QĐ-UBND

Đồng Hới, ngày 20 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách Thành phố năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 20/12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước thành phố Đồng Hới năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025.

(Theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Giám đốc KBNN tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này. / *hu*

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- TTThành ủy Đồng Hới; TTHĐND;
- Đ/c CT và các PCT UBND TP;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND TP;
- Viện kiểm sát nhân dân TP;
- Tòa án nhân dân TP;
- UBND các xã, phường;
- Lưu VP HĐND-UBNDTP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



HOÀNG NGỌC ĐAN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 236/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	1.177.011.250
I	Thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp	678.371.300
-	Thu ngân sách Thành phố hưởng 100%	8.800.000
-	Thu ngân sách Thành phố hưởng từ các khoản thu phân chia	669.571.300
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	316.837.531
-	Thu bổ sung cân đối	139.855.778
-	Thu bổ sung có mục tiêu	176.981.753
III	Thu chuyển nguồn CCTL năm trước chuyển sang	120.892.169
IV	Thu điều tiết từ các khoản thu do tỉnh quản lý	60.910.250
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	1.177.011.250
I	Tổng chi cân đối ngân sách Thành phố	1.177.011.250
1	Chi đầu tư phát triển	401.714.000
2	Chi thường xuyên	755.138.000
3	Dự phòng ngân sách	20.159.250
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương, tiết kiệm chi thường xuyên	
5	Chi khác	
II	Chi các chương trình mục tiêu	-
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	



**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ
VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 236/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ	
I	Nguồn thu ngân sách	1.177.011.250
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	678.371.300
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	316.837.531
-	Thu bổ sung cân đối	139.855.778
-	Thu bổ sung có mục tiêu	176.981.753
3	Thu điều tiết từ các khoản thu do tính quản lý	60.910.250
4	Thu chuyển nguồn CCTL năm trước chuyển sang	120.892.169
II	Chi ngân sách	1.177.011.250
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp Thành phố	1.090.228.781
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	86.782.469
-	Chi bổ sung cân đối	69.505.222
-	Chi bổ sung có mục tiêu	17.277.247
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	258.392.510
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	162.815.700
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp Thành phố	86.782.469
-	Thu bổ sung cân đối	69.505.222
-	Thu bổ sung có mục tiêu	17.277.247
3	Thu điều tiết từ các khoản thu do tính quản lý	3.589.750
4	Thu chuyển nguồn CCTL năm trước chuyển sang	5.204.591
5	Thu kết dư	
II	Chi ngân sách	258.392.510

Uhu

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: 1000 đồng



STT		Dự toán năm 2025	
		Tổng thu NSNN	Thu NS Thành phố
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	1.797.180.000	1.724.380.000
I	Thu nội địa	1.732.680.000	1.724.380.000
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý		
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý	7.700.000	7.700.000
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	110.000.000	110.000.000
5	Thuế thu nhập cá nhân	52.000.000	52.000.000
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	99.000.000	99.000.000
8	Thu phí, lệ phí	11.200.000	11.200.000
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	13.230.000	13.230.000
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	11.800.000	11.800.000
12	Thu tiền sử dụng đất	1.396.800.000	1.396.800.000
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu hồi vốn lợi nhuận sau thuế	1.100.000	1.100.000
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1.500.000	1.500.000
16	Thu khác ngân sách	28.000.000	19.700.000
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	350.000	350.000
II	Thu điều tiết từ các khoản thu do tỉnh quản lý	64.500.000	

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ, PHƯỜNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 236/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	Chia ra			Số bổ sung từ ngân sách cấp trên	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối NSDP
				Thu NSDP hưởng 100%	Thu phân chia				
					Tổng số	Trong đó: Phần NSDP được hưởng			
A	B	1	2=3+5	3	4	5	6	7	8=2+6+7
	TỔNG SỐ	1.463.825	162.816	2.287	1.301.009	160.529	86.782	0	249.598
1	Phường Nam Lý	37.202	6.268	232	30.934	6.036	6.802		13.070
2	Phường Bắc Lý	103.300	11.703	150	91.598	11.553	6.028		17.730
3	Phường Đồng Sơn	5.270	933	50	4.337	883	8.435		9.368
4	Phường Đồng Phú	123.520	15.021	610	108.499	14.411	5.214		20.235
5	Phường Hải Thành	33.618	3.999	291	29.619	3.708	6.259		10.259
6	Phường Phú Hải	208.697	21.770	42	186.927	21.728	4.975		26.745
7	Phường Đồng Hải	26.638	4.866	232	21.772	4.634	4.215		9.081
8	Xã Đức Ninh	84.527	22.765	100	61.762	22.665	7.939		30.704
9	Xã Nghĩa Ninh	10.785	3.361	37	7.424	3.324	7.243		10.604
10	Xã Lộc Ninh	37.173	10.250	228	26.923	10.022	8.126		18.376
11	Xã Thuận Đức	8.860	2.968	69	5.892	2.899	4.838		7.806
12	Xã Bảo Ninh	575.520	22.018	101	553.502	21.917	7		22.025
13	Xã Quang Phú	71.928	21.728	71	50.200	21.657	2.892		24.619

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	Chia ra			Số bổ sung từ ngân sách cấp trên	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối NSDP
				Thu NSDP hưởng 100%	Thu phân chia				
					Tổng số	Trong đó: Phần NSDP được hưởng			
A	B	1	2=3+5	3	4	5	6	7	8=2+6+7
14	Phường Bắc Nghĩa	52.587	5.735	26	46.852	5.709	7.841		13.576
15	Phường Đức Ninh Đông	84.200	9.433	48	74.767	9.385	5.968		15.401

2/ku

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ, CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 236 /QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NSDP	1.435.403.760	1.177.011.250	258.392.510
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	1.435.403.760	1.177.011.250	258.392.510
I	Chi đầu tư phát triển	534.964.000	401.714.000	133.250.000
1	Chi đầu tư cho các dự án	534.964.000	401.714.000	133.250.000
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực	0		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	0		
-	Chi khoa học và công nghệ	0		
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn	0		
-	Vốn tập trung trong nước	20.457.000	20.457.000	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	514.507.000	381.257.000	133.250.000
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	0		
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0		
3	Ghi thu ghi chi chí phí đầu tư hạ tầng tạo quỹ đất	0		
4	Chi đầu tư phát triển khác	0		
II	Chi thường xuyên	858.274.513	755.138.000	103.137.513
1	Chi quốc phòng, an ninh	19.859.748	11.742.947	8.116.801
2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	401.363.675	400.913.675	450.000
3	Chi sự nghiệp môi trường	5.777.000	5.777.000	
4	Chi sự nghiệp y tế	37.151.972	36.864.000	287.972
5	Chi sự nghiệp dân số KHHGD	0		
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể thao	15.234.566	14.768.266	466.300
7	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	0		
8	Chi đảm bảo xã hội	74.413.000	70.528.530	3.884.470
9	Chi sự nghiệp kinh tế	122.447.221	122.447.221	
10	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	171.811.826	82.077.892	89.733.934
11	Chi khác ngân sách	10.216.505	10.018.469	198.036
12	Kinh phí hỗ trợ XD nhà văn hóa (TP)	0		
13	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để làm lương	0		
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	0		
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	0		
V	Dự phòng ngân sách	24.887.000	20.159.250	4.727.750
VI	Các khoản chi có mục tiêu từ nguồn NS cấp trên	17.277.247		17.277.247
VII	Chi các nhiệm vụ khác từ nguồn tăng thu ngân sách địa phương	0		
VIII	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương, dự phòng các chế độ tăng thêm	0		

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	0		
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0		
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	0		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	0		
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)	0		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0		

2 hu

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Phụ lục kèm theo Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 20 / 01 /2025 của UBND thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	Tổng chi ngân sách cấp huyện (A+B)	1.177.011.250
A	Chi cân đối ngân sách địa phương	1.177.011.250
I	Chi đầu tư phát triển	401.714.000
1	Chi đầu tư cho các dự án	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi quốc phòng	
1.3	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	
1.4	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.5	Chi văn hóa thông tin	
1.6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.7	Chi thể dục thể thao	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	
1.11	Chi đầu tư khác	
2	Chi đầu tư phát triển khác	0
a	Ghi thu ghi chi chí phí đầu tư hạ tầng tạo quỹ đất	
b	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	755.138.000
1	Chi quốc phòng, an ninh	11.742.947
2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	400.913.675
3	Chi sự nghiệp môi trường	5.777.000
4	Chi sự nghiệp y tế	36.864.000
5	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể thao	14.768.266
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	0
7	Chi đảm bảo xã hội	70.528.530
8	Chi sự nghiệp kinh tế	122.447.221
9	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	82.077.892
10	Chi khác ngân sách	10.018.469
11	Kinh phí hỗ trợ XD nhà văn hóa (TP)	0
12	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để làm lương	0
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	0
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	0
V	Dự phòng ngân sách	20.159.250
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương, dự phòng các chế độ tăng thêm	0
<u>B</u>	<u>Các khoản chi theo mục tiêu</u>	
	- Học phí	
	-Thu phí và thu khác không cân đối	
	-Thu đóng góp	
	- Chi phí xây dựng hạ tầng tạo nguồn quỹ đất	
<u>C</u>	<u>Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã</u>	<u>69.505.222</u>

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 20 /01/2025 của UBND thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: ngàn đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	959.003.972	341.609.000	596.935.719	0	0	20.459.250	3	0	0	0	0
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	869.039.500	341.609.000	527.430.497	0	0	0	3	0	0	0	0
1	Ban chỉ huy quân sự	9.872.947		9.872.947								
2	Đồn biên phòng Nhật Lệ	120.000		120.000								
3	Công an TP	1.601.700		1.601.700								
4	Thành ủy Đồng Hới	18.941.794		18.941.794								
5	Ủy ban mặt trận tổ quốc VN thành phố	2.907.546		2.907.546								
6	Hội Liên Hiệp Phụ Nữ	1.157.400		1.157.400								
7	Hội Nông Dân	1.690.801		1.690.801								
8	Hội Cựu Chiến Binh	447.876		447.876								
9	Thành Đoàn	1.075.568		1.075.568								
10	Hội người mù	390.988		390.988								
11	Hội chữ thập đỏ	555.019		555.019								
12	Hội nạn nhân chất độc da cam	271.760		271.760								
13	Hội khuyến học	474.488		474.488								
14	Hội đồng y	170.060		170.060								
15	Hội làm vườn	206.560		206.560								
16	Hội sinh vật cảnh	31.500		31.500								
17	Hội thanh niên xung phong	166.860		166.860								
18	Thanh tra thành phố	1.690.859		1.690.859								
19	Phòng nội vụ	3.158.992		3.158.992								
20	Phòng tư pháp	1.474.403		1.474.403								

Lh

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
21	Phòng TCKH	2.442.352		2.442.352								
22	Phòng Kinh tế	2.172.995		2.172.995								
23	Văn phòng HĐND-UBND	17.753.982		17.753.982								
24	Phòng LĐ-TB&XH	62.651.801		62.651.801								
25	Phòng Văn hóa thông tin	1.509.426		1.509.426								
26	Phòng tài nguyên môi trường	2.814.459		2.814.459								
27	Phòng Y tế	1.053.821		1.053.821								
28	Phòng Quản lý đô thị	3.423.860		3.423.860								
29	VP thường trực BCH phòng chống thiên tai	303.200		303.200								
30	TT văn hoá thông tin và thể thao	4.318.266		4.318.266								
31	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	970.608		970.608								
32	BQL dự án ĐTXD và phát triển quỹ đất	0										
33	Đội quy tắc & TTĐT	5.158.950		5.158.950								
34	BQL dịch vụ công ích TP	5.887.196		5.887.196								
35	Chi cục thuế KV Đồng Hới -Quảng Ninh	170.000		170.000								
36	Thị hành án	120.000		120.000								
37	Hạt kiểm lâm ĐH	10.000		10.000								
38	Bệnh viện đa khoa	580.000		580.000								
39	Toà án	110.000		110.000								
40	Viện kiểm sát TP	110.000		110.000								
41	Chi cục thống kê TP	250.000		250.000								
42	NH Chính sách	2.000.000		2.000.000								
43	Liên đoàn LĐ TP	63.071		63.071								
44	TT bồi dưỡng chính trị	2.255.193		2.255.193								
45	Phòng giáo dục đào tạo	3.923.940		3.923.940								
46	Trung tâm giáo dục - dạy nghề	4.322.340		4.322.340								
47	Trường THCS số 2 Bắc Lý	5.388.865		5.388.865								
48	Trường THCS Lộc Ninh	7.384.082		7.384.082								

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
49	Trường TH-THCS Thuận Đức	7.713.372		7.713.372								
50	Trường THCS số 1 Đồng Sơn	8.719.910		8.719.910								
51	Trường THCS Bắc Nghĩa	7.257.689		7.257.689								
52	Trường THCS Đồng Hải	11.299.683		11.299.683								
53	Trường THCS số 1 Bắc Lý	8.844.656		8.844.656								
54	Trường THCS Đồng Phú	9.246.750		9.246.750								
55	Trường THCS Hải Thành	4.284.506		4.284.506								
56	Trường THCS số 1 Nam Lý	10.924.000		10.924.000								
57	Trường TH & THCS Quang Phú	6.972.006		6.972.006								
58	Trường THCS số 2 Nam Lý	6.474.302		6.474.302								
59	Trường THCS Đức Ninh Đông	5.200.745		5.200.745								
60	Trường THCS Đức Ninh	5.954.854		5.954.854								
61	Trường THCS Bảo Ninh	6.615.972		6.615.972								
62	Trường TH-THCS Phú Hải	6.991.547		6.991.547								
63	Trường Tiểu học Đồng Phú	13.342.215		13.342.215								
64	Trường Tiểu học Đồng Mỹ	6.691.282		6.691.282								
65	Trường Tiểu học số 2 Bắc Lý	11.636.030		11.636.030								
66	Trường Tiểu học số 1 Nam Lý	10.620.831		10.620.831								
67	Trường Tiểu học số 1 Đồng Sơn	9.436.565		9.436.565								
68	Trường Tiểu học số 2 Đồng Sơn	5.910.813		5.910.813								
69	Trường Tiểu học số 1 Bảo Ninh	5.699.354		5.699.354								
70	Trường Tiểu học Lộc Ninh	11.167.413		11.167.413								
71	Trường Tiểu học Hải Đình	7.234.183		7.234.183								
72	Trường Tiểu học Đức Ninh	8.092.493		8.092.493								
73	Trường Tiểu học Đức Ninh Đông	6.518.726		6.518.726								
74	Trường Tiểu học số 3 Nam Lý	8.975.928		8.975.928								
75	Trường Tiểu học số 2 Nam Lý	5.648.119		5.648.119								
76	Trường Tiểu học Bắc Nghĩa	6.051.729		6.051.729								
77	Trường Tiểu học Nghĩa Ninh	5.061.804		5.061.804								
78	Trường Tiểu học số 1 Bắc Lý	6.401.990		6.401.990								

Uhu

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
79	Trường Tiểu học Hải Thành	5.442.505		5.442.505								
80	Trường Tiểu học số 2 Bảo Ninh	4.904.535		4.904.535								
81	TT nuôi dạy trẻ khuyết tật	5.597.955		5.597.955								
82	Trường Mầm Non Bắc Lý	9.001.475		9.001.475								
83	Trường Mầm Non Hải Thành	5.149.378		5.149.378								
84	Trường Mầm Non Phú Hải	3.187.181		3.187.181								
85	Trường Mầm Non Đồng Phú	6.328.161		6.328.161								
86	Trường Mầm Non Bắc Nghĩa	8.059.617		8.059.617								
87	Trường Mầm Non Lộc Ninh	6.910.439		6.910.439								
88	Trường Mầm Non Quang Phú	3.454.649		3.454.649								
89	Trường Mầm Non Nam Lý	9.497.424		9.497.424								
90	Trường Mầm Non Đồng Sơn	5.276.893		5.276.893								
91	Trường Mầm Non Nghĩa Ninh	5.196.193		5.196.193								
92	Trường Mầm Non Hoa Hồng	9.314.185		9.314.185								
93	Trường Mầm Non Bảo Ninh	7.455.997		7.455.997								
94	Trường Mầm Non Thuận Đức	4.795.175		4.795.175								
95	Trường Mầm Non Đức Ninh	3.818.923		3.818.923								
96	Trường Mầm Non Đức Ninh Đông	5.044.820		5.044.820								
97	Trung tâm học tập cộng đồng 15 xã, phường	450.000		450.000								
100	UBND Thành phố	290.627.000	290.627.000									
101	UBND Phường Đồng Hải	3	0					3				
102	UBND phường Nam Lý	375.000	375.000									
103	UBND phường Phú Hải	0										
104	UBND xã Đức Ninh	3.615.000	3.615.000									
105	UBND xã Lộc Ninh	1.910.000	1.910.000									
106	UBND xã Nghĩa Ninh	1.150.000	1.150.000									
107	UBND xã Quang Phú	1.800.000	1.800.000									
108	UBND xã Thuận Đức	0										

Handwritten signature/initials

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
109	UBND xã Bảo Ninh	0										
110	UBND phường Đồng Phú	550.000	550.000									
111	UBND phường Bắc lý	0										
112	UBND phường Đức Ninh Đông	0										
113	UBND phường Bắc Nghĩa	2.080.000	2.080.000									
114	UBND phường Hải Thành	1.300.000	1.300.000									
115	UBND phường Đồng Sơn	1.850.000	1.850.000									
116	Ban quản lý dịch vụ công ích thành phố	0										
117	Văn phòng HĐND-UBND thành phố	7.701.000	7.701.000									
118	Phòng kinh tế thành phố	1.390.000	1.390.000									
119	Trung tâm CVCX Đồng Hới	14.790.000	14.790.000									
120	Phòng Văn hóa thông tin Thành phố	0										
121	Phòng lao động & TB xã hội TP	0										
122	Phòng QLĐT thành phố	6.198.000	6.198.000									
123	Đội quy tắc & TT đô thị Thành Phố	0										
124	Ban Chỉ huy quân sự thành phố	1.267.000	1.267.000									
125	Chi cục thi hành án dân sự Thành Phố	0										
126	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp TP	0										
127	Công an Thành phố Đồng Hới	5.006.000	5.006.000									
II	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	20.159.250					20.159.250					
III	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	0										
IV	CHI BỔ SUNG NGÂN SÁCH XÃ	69.505.222		69.505.222								

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 236 /QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND thành phố Đồng Hới)

ĐVT: triệu đồng

ST T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trườn g	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	527.430.497	365.479.256	0	9.903.000	1.460.000	6.854.000	4.318.000	0	0	0	12.167.196	0	0	69.974.527	54.047.000	3.223.071
1	Ban chỉ huy quân sự	9.873.000			9.783.000										90.000		
2	Đồn biên phòng Nhật Lệ	120.000			120.000												
3	Công an TP	1.601.700				1.460.000									141.700		
4	Thành ủy Đồng Hới	18.942.000													18.942.000		
5	Ủy ban mặt trận tổ quốc VN thành phố	2.908.000													2.908.000		
6	Hội Liên Hiệp Phụ Nữ	1.157.400													1.157.400		
7	Hội Nông Dân	1.690.801													1.690.801		
8	Hội Cựu Chiến Binh	448.000													448.000		
9	Thành Đoàn	1.075.568													1.075.568		
11	Hội người mù	391.000													391.000		
12	Hội chữ thập đỏ	555.019													555.019		
13	Hội nạn nhân chất độc da cam	271.760													271.760		
14	Hội khuyến học	474.000	300.000												174.000		
15	Hội đồng y	170.000													170.000		
16	Hội làm vườn	206.560													206.560		
17	Hội sinh vật cảnh	32.000													32.000		
18	Hội thanh niên xung phong	166.860													166.860		
19	Thanh tra thành phố	1.690.859				+									1.690.859		
20	Phòng nội vụ	3.159.000													3.159.000		
21	Phòng tư pháp	1.474.000													1.474.000		
22	Phòng TCKH	2.442.000													2.442.000		
23	Phòng Kinh tế	2.173.000													2.173.000		
24	Văn phòng HĐND-UBND	17.754.000													17.754.000		
25	Phòng LĐ-TB&XH	62.652.000					6.854.000								1.751.000	54.047.000	
26	Phòng Văn hóa thông tin	1.509.000													1.509.000		
27	Phòng tài nguyên môi trường	2.814.000													2.814.000		
28	Phòng Y tế	1.054.000													1.054.000		
29	Phòng Quản lý đô thị	3.424.000													3.424.000		

ST T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trườn g	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
30	VP thường trực BCH phòng chống thiên tai	303.000													303.000		
31	T.T văn hóa trong tỉnh và liên tỉnh	4.318.000						4.318.000									
32	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	971.000										971.000					
34	Đội quy tắc & TTĐT	5.159.000										5.159.000					
35	BQL dịch vụ công ích TP	5.887.196										5.887.196					
36	Chi cục thuế KV Đồng Hới - Quảng Ninh	170.000										150.000			20.000		
37	Thị hành án	120.000													10.000		110.000
38	Hạt kiểm lâm ĐH	10.000													10.000		
39	Bệnh viện đa khoa	580.000															580.000
40	Toà án	110.000															110.000
41	Viện kiểm sát TP	110.000															110.000
42	Chi cục thống kê TP	250.000															250.000
43	NH Chính sách	2.000.000															2.000.000
44	Liên đoàn LÐ TP	63.071															63.071
45	TT bồi dưỡng chính trị	2.255.000	2.255.000														
46	Phòng giáo dục đào tạo	3.920.000	1.954.000												1.966.000		
47	Trung tâm giáo dục - dạy nghề	4.322.340	4.322.340														
48	Trường THCS số 2 Bắc Lý	5.388.865	5.388.865														
49	Trường THCS Lộc Ninh	7.384.082	7.384.082														
50	Trường TH-THCS Thuận Đức	7.713.372	7.713.372														
51	Trường THCS số 1 Đồng Sơn	8.719.910	8.719.910														
52	Trường THCS Bắc Nghĩa	7.257.689	7.257.689														
53	Trường THCS Đồng Hải	11.299.683	11.299.683														
54	Trường THCS số 1 Bắc Lý	8.844.656	8.844.656														
55	Trường THCS Đồng Phú	9.246.750	9.246.750														
56	Trường THCS Hải Thành	4.284.506	4.284.506														
57	Trường THCS số 1 Nam Lý	10.924.000	10.924.000														
58	Trường TH & THCS Quang Bình	6.972.006	6.972.006														
59	Trường THCS số 2 Nam Lý	6.474.302	6.474.302														
60	Trường THCS Đức Ninh Đông	5.200.745	5.200.745														
61	Trường THCS Đức Ninh	5.954.854	5.954.854														
62	Trường THCS Bảo Ninh	6.615.972	6.615.972														
63	Trường TH-THCS Phú Hải	6.991.547	6.991.547														
64	Trường Tiểu học Đồng Phú	13.342.215	13.342.215														
65	Trường Tiểu học Đồng Mỹ	6.691.282	6.691.282														

ST T	Tên đơn vị	Tổng số	Chỉ giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chỉ khoa học và công nghệ	Chỉ quốc phòng	Chỉ an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chỉ y tế, dân số và gia đình	Chỉ văn hóa thông tin	Chỉ phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chỉ thể dục thể thao	Chỉ bảo vệ môi trườn g	Chỉ các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chỉ hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chỉ bảo đảm xã hội	Chỉ thường xuyên khác
													Chỉ giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
66	Trường Tiểu học số 2 Bắc Lý	11.636.030	11.636.030														
67	Trường Tiểu học số 1 Nam Lý	10.620.831	10.620.831														
68	Trường Tiểu học số 1 Đông Sơn	9.436.565	9.436.565														
69	Trường Tiểu học số 2 Đông Sơn	5.910.813	5.910.813														
70	Trường Tiểu học số 1 Bảo Ninh	5.699.354	5.699.354														
71	Trường Tiểu học Lộc Ninh	11.167.413	11.167.413														
72	Trường Tiểu học Hải Đình	7.234.183	7.234.183														
73	Trường Tiểu học Đức Ninh	8.092.493	8.092.493														
74	Trường Tiểu học số 1 Đông Sơn	6.518.726	6.518.726														
75	Trường Tiểu học số 3 Nam Lý	8.975.928	8.975.928														
76	Trường Tiểu học số 2 Nam Lý	5.648.119	5.648.119														
77	Trường Tiểu học Bắc Nghĩa	6.051.729	6.051.729														
78	Trường Tiểu học Nghĩa Ninh	5.061.804	5.061.804														
79	Trường Tiểu học số 1 Bắc Lý	6.401.990	6.401.990														
80	Trường Tiểu học Hải Thành	5.442.505	5.442.505														
81	Trường Tiểu học số 2 Bảo Ninh	4.904.535	4.904.535														
82	TT nuôi dạy trẻ khuyết tật	5.597.955	5.597.955														
83	Trường Mầm Non Bắc Lý	9.001.475	9.001.475														
84	Trường Mầm Non Hải Thành	5.149.378	5.149.378														
85	Trường Mầm Non Phú Hải	3.187.181	3.187.181														
86	Trường Mầm Non Đồng Phú	6.328.161	6.328.161														
87	Trường Mầm Non Bắc Nghĩa	8.059.617	8.059.617														
88	Trường Mầm Non Lộc Ninh	6.910.439	6.910.439														
89	Trường Mầm Non Quang Phú	3.454.649	3.454.649														
90	Trường Mầm Non Nam Lý	9.497.424	9.497.424														
91	Trường Mầm Non Đồng Sơn	5.276.893	5.276.893														
92	Trường Mầm Non Nghĩa Ninh	5.196.193	5.196.193														
93	Trường Mầm Non Hoa Hồng	9.314.185	9.314.185														
94	Trường Mầm Non Bảo Ninh	7.455.997	7.455.997														
95	Trường Mầm Non Thuận Đức	4.795.175	4.795.175														
96	Trường Mầm Non Đức Ninh	3.818.923	3.818.923														
97	Trường Mầm Non Đức Ninh	5.044.820	5.044.820														
98	Trung tâm học tập cộng đồng 15 xã, phường	450.000	450.000														

Chữ ký

PHỤ LỤC

BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2025 - CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG HOÀN THÀNH (NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ QUẢN LÝ)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND Thành phố Đồng Hới)

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành đã duyệt	Nghị quyết phê duyệt CTĐT					Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lấy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2024				Kế hoạch vốn năm 2025 (NSTP)	Chủ đầu tư
				Số Nghị quyết/ngày tháng	Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó:			Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:				
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG CỘNG (I+II):				1.112.587	24.000	1.054.307	34.280	-	1.067.508	1.067.508	343.513	20.000	322.713	800	341.607	
I	NGUỒN VỐN TẬP TRUNG:				95.800	24.000	67.200	4.600	-	91.800	91.800	66.320	20.000	45.520	800	16.957	
1	Chỉnh trang đô thị đoạn tuyến QL1 thành phố Đồng Hới	thành phố Đồng Hới	2022-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	40.000	24.000	16.000	-	QĐ số 1972/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 (tính)	36.000	36.000	31.750	20.000	11.750		4.250	UBND thành phố
2	Nâng cấp đường nối đường Hữu Nghị với đường Nguyễn Văn Linh và đường KDC phía nam thư viện tỉnh	phường Nam Lý	2022-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	12.000	-	12.000	-	QĐ 2407/QĐ-UBND ngày 07/6/2022	12.000	12.000	10.720		10.720		1.280	UBND thành phố
3	Đầu tư xây dựng Đường và vỉa hè xung quanh trụ sở UBND phường Bắc Lý	phường Bắc Lý	2022-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	9.000	-	9.000	-	QĐ số 5188/QĐ-UB ngày 01/11/2022	9.000	9.000	6.000		6.000		3.000	UBND thành phố
4	Xây dựng nhà vệ sinh và cải tạo dãy nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, dãy nhà 2 tầng 6 phòng và nhà bếp Trường TH số 1 Bắc Lý	phường Bắc Lý	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	3.200		3.200		QĐ số 2198/QĐ-UBND ngày 31/5/2023	3.200	3.200	1.264		1.264		1.936	UBND thành phố
5	Nâng cấp sân, hệ thống thoát nước Trường tiểu học số 2 Đồng Sơn	phường Đồng Sơn	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	2.000		2.000		QĐ số 2174/QĐ-UBND ngày 29/5/2023	2.000	2.000	726		726		1.274	UBND thành phố
6	Xây dựng mới các tuyến đường trong khu đất thôn Tân Phú xã Quang Phú	xã Quang Phú	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	8.500		5.100	3.400	QĐ số 910/QĐ-UBND ngày 22/3/2023	8.500	8.500	4.100		3.300	800	1.600	UBND xã Quang Phú
7	Đường giao thông nội đồng HTX Phú Xá xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	3.000		1.800	1.200	QĐ số 3829/QĐ-UBND ngày 28/8/2023	3.000	3.000	1.300		1.300		500	UBND xã Lộc Ninh
8	PPK03	xã Quang Phú	2022-2025	NQ số 14/NQ-HĐND ngày 02/08/2022	3.200		3.200		QĐ 102/QĐ-UBND ngày 18/7/2023	3.200	3.200	2.400		2.400		800	Ban Chỉ huy Quân sự Thành phố
9	Nhà lớp học 2 tầng 4, khối hành chính quản trị, sân, hàng rào Trường mầm non Phú Hải	phường Phú Hải	2022-2025	NQ số 12/NQ-HĐND ngày 02/8/2022	14.900		14.900		QĐ số 1861/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	14.900	14.900	8.060		8.060	-	2.117	UBND thành phố

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành đã duyệt	Nghị quyết phê duyệt CTDT					Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lấy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2024				Kế hoạch vốn năm 2025 (NSTP)	Chủ đầu tư
				Số Nghị quyết/ngày tháng	Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó:			Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:				
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
II	NGUỒN VỐN QUỸ ĐẤT:				1.016.787	-	987.107	29.680	-	975.708	975.708	277.194	-	277.194	-	324.650	
1	Nhà lớp học 2 tầng 4, khối hành chính quản trị, sân, hàng rào Trường mầm non Phú Hải	phường Phú Hải	2022-2025	NQ số 12/NQ-HĐND ngày 02/8/2022	14.900		14.900		QĐ số 1861/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	14.900	14.900					4.723	UBND thành phố
2	Nâng cấp đường Nguyễn Văn Cừ	phường Nam Lý	2022-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	35.000		35.000		QĐ số 4867/QĐ-UBND ngày 13/10/2022	35.000	35.000	13.895		13.895	-	21.105	UBND thành phố
3	Nâng cấp đường Cao Thắng, xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2022-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	40.000		40.000		QĐ số 6327/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	40.000	40.000	14.303		14.303	-	25.697	UBND thành phố
4	Nâng cấp, sửa chữa đường và vỉa hè đường Hoàng Sâm, Nguyễn Hữu Dật, Trần Quang Diệu, Tôn Thất Tùng	phường Bắc Lý, Nam Lý	2022-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	29.000		29.000		QĐ số 4640/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	29.000	29.000	10.540		10.540	-	18.460	UBND thành phố
5	Trang trí đèn LED khu vực dọc Hồ Thành, thành phố Đồng Hới	phường Đồng Phú, Đồng Hải	2022-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	27.000		27.000		QĐ số 6144/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	27.000	27.000	15.242		15.242	-	11.758	UBND thành phố
6	Nâng cấp cải tạo công viên trung tâm phường Đồng Sơn	phường Đồng sơn	2022-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	20.000		20.000		QĐ số 3350/QĐ-UBND ngày 07/8/2023	20.000	20.000	6.650		6.650	-	13.350	UBND thành phố
7	Cải tạo, nâng cấp Chợ cá Đồng Hới	phường Đồng Hải	2022-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	25.000		25.000		QĐ số 5080/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	25.000	25.000	13.451		13.451	-	11.549	UBND thành phố
8	Nâng cấp đường Phan Đình Giót, Trần Nguyễn Hân và Đại Phong phường Đồng Phú	phường Đồng Phú	2022-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	20.000		20.000		QĐ số 5620/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	20.000	20.000	10.970		10.970	-	9.030	UBND thành phố
9	Điện chiếu sáng bằng đèn Led cụm TTCN Thuận Đức	xã Thuận Đức	2022-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	12.000		12.000		QĐ số 2567/QĐ-UBND ngày 15/6/2022	12.000	12.000	6.890		6.890	-	5.110	UBND thành phố
10	Mương thoát chống ngập úng đồng Đức Ninh	xã Đức Ninh	2022-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	14.900		14.900		QĐ 2002/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	14.900	14.900	9.163		9.163	-	5.737	UBND thành phố
11	Nạo vét xây kè chống xói lở hệ thống kênh thoát lũ từ cầu Mệ Sỏi qua cầu Rẫy Cau	phường Đồng Sơn, Nghĩa Ninh	2022-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	14.900		14.900		QĐ 3028/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	14.900	14.900	8.026		8.026	-	6.874	UBND thành phố

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành đã duyệt	Nghị quyết phê duyệt CTĐT					Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2024				Kế hoạch vốn năm 2025 (NSTP)	Chủ đầu tư
				Số Nghị quyết/ngày tháng	Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó:			Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:				
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		Tổng số	Trong đó: phân vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
12	Hệ thống thoát nước thôn Thuận Hà xã Thuận Đức và TDP 11 phường Đồng Sơn thành phố Đồng Hới	xã Thuận Đức, phường Đồng Sơn	2022-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	14.000		14.000		QĐ 2548/QĐ-UBND ngày 14/6/2022	14.000	14.000	8.612		8.612	-	5.388	UBND thành phố
13	Nâng cấp đường Võ Thị Sáu, phường Nam Lý	phường Nam Lý	2022-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	12.000		12.000		QĐ 3274/QĐ-UBND ngày 15/7/2022	12.000	12.000	7.867		7.867	-	4.134	UBND thành phố
14	Nâng cấp các tuyến đường thuộc TDP Đồng Mỹ, TDP Phú Mỹ, TDP Thành Mỹ phường Đồng Hải	phường Đồng Hải	2022-2025	NQ số 12/NQ-HĐND ngày 02/8/2022	24.000		24.000		QĐ số 2688/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	24.000	24.000	8.827		8.827	-	15.173	UBND thành phố
15	Nâng cấp các tuyến đường thuộc TDP Đồng Tâm, TDP Đồng Đình phường Đồng Hải	phường Đồng Hải	2022-2025	NQ số 12/NQ-HĐND ngày 02/8/2022	14.500		14.500		QĐ số 6574/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	14.500	14.500	7.584		7.584	-	6.916	UBND thành phố
16	Nâng cấp đường Trần Nhật Duật xã Đức Ninh	xã Đức Ninh	2022-2025	NQ số 12/NQ-HĐND ngày 02/8/2022	25.000		25.000		QĐ số 2574/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	25.000	25.000	9.960		9.960	-	15.040	UBND thành phố
17	Xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới	phường Đức Ninh Đông	2022-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	170.000		170.000		QĐ số 3796/QĐ-UBND ngày 24/8/2023	170.000	170.000	30.618		30.618	-	20.823	UBND thành phố
18	Điện chiếu sáng bằng đèn Led các trục đường khu dân cư Tây Hưu Nghi, phường Bắc Lý	phường Bắc Lý	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	7.800		7.800		QĐ số 3206/QĐ-UBND ngày 27/7/2023	7.800	7.800	258		258	-	1.120	UBND thành phố
19	Triển khai đồng bộ hạ tầng CNTT và dịch vụ đô thị thông minh thành phố Đồng Hới	phường Đức Ninh Đông	202 -2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	39.670		39.670		QĐ số 4264/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	39.670	39.670	16.259		16.259	-	7.701	Văn phòng HĐND - UBND thành phố
20	Cụm công nghiệp Lộc Ninh (giai đoạn 2)	xã Lộc Ninh	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	35.000		35.000		QĐ số 5160/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	35.000	35.000	1.584		1.584	-	3.108	UBND thành phố
21	Trang trí điện dọc sông Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới	phường Đồng Hải	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	25.000		25.000		QĐ số 5372/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	25.000	25.000	1.850		1.850	-	6.225	UBND thành phố
22	Công viên hồ Sen (phía sau trường chuyên Võ Nguyên Giáp)	phường Nam Lý	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	35.000		35.000		QĐ số 5877/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	35.000	35.000	832		832	-	100	UBND thành phố
23	Đầu tư xây dựng đường vào nhà máy xử lý nước thải thành phố Đồng Hới	xã Đức Ninh	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	20.000		20.000		QĐ số 2561/QĐ-UBND ngày 10/6/2023	14.800	14.800	600		600	-	100	UBND thành phố

3/8

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành đã duyệt	Nghị quyết phê duyệt CTĐT					Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lấy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2024				Kế hoạch vốn năm 2025 (NSTP)	Chủ đầu tư
				Số Nghị quyết/ngày tháng	Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó:			Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:				
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
24	Nâng cấp các trục đường Đặng Văn Ngữ, đường Nguyễn Cư Trinh, đường Võ Duy Dương và đường Phong Nha, phường Nam Lý	phường Nam Lý	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	11.000		11.000		QĐ số 4092/QĐ-UBND ngày 15/09/2023	11.000	11.000	406		406	-	2.802	UBND thành phố
25	Đầu tư xây dựng Đường nối từ đường Bàu Tró đến đường Long Đại	phường Hải Thành	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	14.900		14.900		QĐ số 3920/QĐ-UBND ngày 08/09/2023	14.900	14.900	519		519	-	6.356	UBND thành phố
26	Nâng cấp đường Nguyễn Văn Siêu, Tô Hiến Thành, Trần Thủ Độ, Hoàng Quốc Việt, phường Bắc Nghĩa	phường Bắc Nghĩa	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	30.000		30.000		QĐ số 5878/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	30.000	30.000	434		434	-	100	UBND thành phố
27	Xây dựng khối phòng nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục và trẻ em, nhà hiệu bộ, bếp, sân và hệ thống thoát nước Trường mầm non Bắc Nghĩa (Cụm trung tâm)	phường Bắc Nghĩa	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	13.000		13.000		QĐ số 3261/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	13.000	13.000	1.958		1.958	-	4.868	UBND thành phố
28	Nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Võ Nguyên Giáp (Đoạn từ cầu Nhật Lệ 1 đến cầu Nhật Lệ 2)	xã Bảo Ninh	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	8.000		8.000		QĐ số 3655/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	8.000	8.000	280		280	-	912	UBND thành phố
29	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 4 phòng bộ môn và nhà vệ sinh Trường TH số 1 Nam Lý	phường Nam Lý	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	6.000		6.000		QĐ số 4704/QĐ-UBND ngày 24/10/2023	6.000	6.000	907		907	-	5.093	UBND thành phố
30	Nâng cấp tuyến đường Lê Trọng Tấn phường Bắc Lý	phường Bắc Lý	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	4.000		4.000		QĐ số 2882/QĐ-UBND ngày 11/7/2023	4.000	4.000	550		550		3.450	UBND thành phố
31	Đường Phan Huy Chú (đoạn qua chi cục đo lường)	phường Đồng Phú, Hải Thành	2020-2025	NQ số 11/NQ-HĐND ngày 22/7/2020	15.000	-	15.000	-	QĐ 1237/QĐ-UBND ngày 16/3/2021	15.000	15.000	13.500		13.500	-	1.500	UBND thành phố
32	Xây dựng 02 phòng học, 02 phòng bộ môn Trường TH số 2 Bảo Ninh	xã Bảo Ninh	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	4.500		4.500		QĐ số 3901/QĐ-UBND ngày 06/9/2023	4.500	4.500	334		334	-	4.166	UBND thành phố
33	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Nam Cao, Lê Chân Trần Nguyên Đán, Khúc Hạo, Ý Lan, Trương Phúc Phần	xã Lộc Ninh	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	5.000		5.000		QĐ số 2673/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	4.946	4.946	197		197	-	510	UBND thành phố

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành đã duyệt	Nghị quyết phê duyệt CTĐT					Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2024				Kế hoạch vốn năm 2025 (NSTP)	Chủ đầu tư
				Số Nghị quyết/ngày tháng	Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó:			Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:				
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
34	Hệ thống lan can, nạo vét hồ trạm và chỉnh trang xung quanh Hồ Trạm phường Đồng Hải	phường Đồng Hải	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	14.900		14.900		QĐ số 5135/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	14.900	14.900	254		254	-	100	UBND thành phố
35	Xây dựng hệ thống thoát nước khu vực Bàu Đình xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	8.000		8.000		QĐ số 5100/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	7.436	7.436	280		280	-	912	UBND thành phố
36	Nâng cấp tuyến điện chiếu sáng bằng đèn led đường Trương Pháp (đoạn từ chợ Quang Phú đến nhà khách phụ nữ)	xã Quang Phú	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	1.500		1.500		QĐ số 3086/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	691	691	40		40	-	651	UBND thành phố
37	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Đoàn Thị Điểm, Lê Duẩn, phường Đồng Hải	phường Đồng Hải	2023-2024	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	900		900		QĐ số 2635/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	900	900	50		50	-	850	UBND thành phố
38	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Nguyễn Hữu Dật và đường Vũ Trọng Phụng, Trần Quang Diệu	phường Bắc Lý, Nam Lý	2023-2024	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	1.150		1.150		QĐ số 2910/QĐ-UBND ngày 14/7/2023	1.150	1.150	67		67	-	1.083	UBND thành phố
39	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Trần Cao Vân, Đặng Thai Mai, Lương Văn Can, Ngô Thị Nhậm	phường Đồng Sơn	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	2.500		2.500		QĐ số 2770/QĐ-UBND ngày 05/9/2023	2.470	2.470	117		117	-	435	UBND thành phố
40	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Phong Nha và đường Đặng Văn Ngữ, Nguyễn Cư Trinh, Võ Duy Dương phường Nam Lý	phường Nam Lý	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	2.500		2.500		QĐ số 2682/QĐ-UBND ngày 13/7/2023	2.500	2.500	129		129	-	435	UBND thành phố
41	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Trung Thuần, Hưng Ninh, Phạm Văn Hai, Đào Duy Anh	xã Lộc Ninh	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	3.000		3.000		QĐ số 2911/QĐ-UBND ngày 14/7/2023	3.000	3.000	135		135	-	602	UBND thành phố
42	Nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Cao Văn Lầu, Lê Văn Sỹ, phường Nam Lý	phường Nam Lý	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	1.700		1.700		QĐ số 1806/QĐ-UBND ngày 09/5/2023	1.700	1.700	103		103	-	569	UBND thành phố
43	Nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Nguyễn Thiện Thuật, Bế Văn Đàn, Phạm Xuân Ân, phường Nam Lý	phường Nam Lý	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	1.300		1.300		QĐ số 2685/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	1.300	1.300	77		77	-	437	UBND thành phố
44	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Nguyễn Đăng Tuấn, Nguyễn Công Trứ, phường Nam Lý	phường Nam Lý	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	1.700		1.700		QĐ số 3051/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	1.700	1.700	97		97	-	575	UBND thành phố

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành đã duyệt	Nghị quyết phê duyệt CTĐT					Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lấy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2024				Kế hoạch vốn năm 2025 (NSTP)	Chủ đầu tư	Chủ đầu tư
				Số Nghị quyết/ngày tháng	Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó:			Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:					
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	18
45	Cây xanh và điện chiếu sáng đường nội đường Trần Quang Khải đến đường Phong Nha	phường Nam Lý	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	2.500		2.500		QĐ số 5175/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	1.158	1.158	69		69	-	588	UBND thành phố	JBND phường Hải Thành
	CÁC ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ																	
46	Trồng cây xanh đường phố Đồng Hới năm 2023, nâng cấp cải tạo các khuôn viên trên địa bàn thành phố	thành phố Đồng Hới	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	9.500		9.500	-	QĐ số 1247/QĐ-UBND ngày 10/4/2023	9.500	9.500	1.254		1.254	-	5.452	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	BND xã Nghĩa Ninh
47	Trồng cây xanh dây phân cách đường Trương Pháp, đường 36m (từ đường Lê Lợi đến sông Lê Kỳ), đường Mỹ Cảnh và công viên Đồng đường Phùng Hưng	thành phố Đồng Hới	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	9.500		9.500	-	QĐ số 1246/QĐ-UBND ngày 10/4/2023	9.500	9.500	1.240		1.240	-	4.599	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	JBND phường Bắc Nghĩa
48	Nâng cấp cải tạo công viên phía tây đường Nguyễn Hữu Thọ, công viên Bắc Trần Quang Khải, công viên Sa Động	thành phố Đồng Hới	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	8.000		8.000		QĐ số 1584/QĐ-UBND ngày 25/4/2023	8.000	8.000	1.383		1.383	-	4.740	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới	UBND xã Lộc Ninh
49	Nâng cấp sửa chữa đường Nguyễn Đăng Tuấn phường Nam Lý	phường Nam Lý	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	4.500		4.500		QĐ số 2115/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	4.500	4.500	1.256		1.256	-	3.244	Phòng QLĐT thành phố	BND xã Lộc Ninh
50	Sửa chữa nâng cấp đường Nguyễn Quốc Trinh xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	3.900		3.900		QĐ số 2882/QĐ-UBND ngày 11/7/2023	3.900	3.900	946		946		2.954	Phòng QLĐT thành phố	BND xã Lộc Ninh
51	Đường giao thông nội đồng đội Đồng Mầu, Hới Đầu, Cây Đa xã Nghĩa Ninh	xã Nghĩa Ninh	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	2.500	-	2.500	-	QĐ số 717/QĐ-UBND ngày 07/3/2023	2.500	2.500	1.110		1.110	-	1.390	Phòng kinh tế thành phố	3ND xã Đức Ninh
52	Cải tạo mở rộng trụ sở công an phường Nam Lý	phường Nam Lý	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	2.000		1.000	1.000	QĐ số 3085/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	1.000	1.000	625		625		375	UBND phường Nam Lý	3ND xã Đức Ninh
53	Xây dựng mương thoát nước TDP 7 và TDP 8 Phường Đồng Sơn	phường Đồng Sơn	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	3.500		2.000	1.500	QĐ số 2235/QĐ-UBND ngày 02/6/2023	2.000	2.000	750		750		1.250	UBND phường Đồng Sơn	UBND thành phố
54	Các tuyến đường giao thuộc TDP 9 và TDP 11 phường Đồng sơn	phường Đồng Sơn	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	2.000		1.500	500	QĐ số 4132/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	1.500	1.500	900		900		600	UBND phường Đồng Sơn	UBND thành phố
55	Vĩa hè đường Tôn Thất Thuyết phường Đồng Phú	phường Đồng Phú	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	2.500		1.500	1.000	QĐ số 3824/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	1.500	1.500	950		950		550	UBND phường Đồng Phú	g an TP Đồng Hới
																		Chỉ đạo Quận

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành đã duyệt	Nghị quyết phê duyệt CTĐT					Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lấy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2024				Kế hoạch vốn năm 2025 (NSTP)	Chủ đầu tư
				Số Nghị quyết/ngày tháng	Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó:			Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:				
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
56	Xây dựng đường giao thông trong khu dân cư TDP 7 phường Hải thành	phường Hải Thành	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	6.000		3.600	2.400	QĐ số 4986/QĐ-UBND ngày 08/11/2023	3.600	3.600	1.300		1.300		1.300	UBND phường Hải Thành
57	Cải tạo Trụ sở UBND xã Nghĩa Ninh	xã Nghĩa Ninh	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	3.500		1.700	1.800	QĐ số 2132/QĐ-UBND ngày 26/5/23	1.700	1.700	1.050		1.050		650	UBND xã Nghĩa Ninh
58	Sửa chữa kênh mương Cửa Nghệ đi Bàu Nân xã Nghĩa Ninh	xã Nghĩa Ninh	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	2.500		1.500	1.000	QĐ số 714/QĐ-UBND ngày 07/3/23	1.500	1.500	1.000		1.000		500	UBND xã Nghĩa Ninh
59	Khắc phục sạt lở tuyến đê sông Phú Vinh, đoạn qua khu quy hoạch bắc Lê Lợi, phường Bắc Nghĩa	phường Bắc Nghĩa	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	9.000		3.000	6.000	QĐ số 4030/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	3.000	3.000	920		920		2.080	UBND phường Bắc Nghĩa
60	Nâng cấp sửa chữa tuyến đường đoạn Lê Mộ Khải - Quốc lộ 1A xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	1.200		720	480	QĐ số 2306/QĐ-UBND ngày 6/6/2023	720	720	510		510		210	UBND xã Lộc Ninh
61	Kênh mương kè khu vực cầu kiệt xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	3.000		1.800	1.200	QĐ số 4131/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	1.800	1.800	1.050		1.050		750	UBND xã Lộc Ninh
62	Hệ thống thoát nước vùng Ô Ô xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	2.000		1.200	800	QĐ số 4130/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	1.200	1.200	750		750		450	UBND xã Lộc Ninh
63	Xây dựng kè đê sông Phú Vinh đoạn qua thôn Đức Thị và thôn Đức Giang, Đức Môn xã Đức Ninh	xã Đức Ninh	2022-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	9.000		3.000	6.000	QĐ số 3311/QĐ-UBND ngày 21/7/2022	3.000	3.000	1.400		1.400		1.600	UBND xã Đức Ninh
64	Đầu tư xây dựng Hội trường UBND xã Đức Ninh	xã Đức Ninh	2023-2025	NQ số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021	9.000		3.000	6.000	QĐ số 4726/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	3.000	3.000	985		985		2.015	UBND xã Đức Ninh
65	Nâng cấp đường Tạ Quang Bửu, thành phố Đồng Hới (giai đoạn 1)	phường Nam Lý, Bắc Nghĩa	2023-2025	NQ số 21/NQ-HĐND ngày 25/7/2023	27.000		27.000		QĐ số 4861/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	27.000	27.000	6.746		6.746		10.147	UBND thành phố
66	Xây dựng vỉa hè đường Quốc lộ 1 (đoạn từ đường F325 đến cổng chào phía Bắc thành phố Đồng Hới)	xã Lộc Ninh, phường Bắc Lý	2023-2025	NQ số 21/NQ-HĐND ngày 25/7/2023	20.000		20.000		QĐ số 4964/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	20.000	20.000	5.615		5.615		9.179	UBND thành phố
67	Xây dựng trụ sở công an xã Nghĩa Ninh	xã Nghĩa Ninh	2023-2025	NQ số 21/NQ-HĐND ngày 25/7/2023	6.000		6.000		QĐ số 4112/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	6.000	6.000	2.994		2.994		3.006	Công an TP Đồng Hới
68	ĐH - 23	xã Nghĩa Ninh	2022-2025	NQ số 21/NQ-HĐND ngày 25/7/2023	14.567		14.567		QĐ 102/QĐ-UBND ngày 18/7/2023	14.567	14.567	14.100		14.100	-	467	Ban Chỉ huy Quân sự Thành phố

7/8

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành đã duyệt	Nghị quyết phê duyệt CTĐT					Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2024				Kế hoạch vốn năm 2025 (NSTP)	Chủ đầu tư
				Số Nghị quyết/ngày tháng	Tổng mức đầu tư dự kiến	Trong đó:			Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:				
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
69	CH 4 - ĐH 02	phường Đồng Sơn	2023-2025	NQ số 21/NQ-HĐND ngày 25/7/2023	25.000		25.000		QĐ số 2833/QĐ-QK ngày 10/10/2024	25.000	25.000	3.875		3.875	-	8.930	UBND thành phố
70	HTKT phục vụ xây dựng trụ sở công an xã Quang Phú	xã Quang Phú	2024-2025	NQ số 23/NQ-HĐND ngày 13/11/2024	1.650		1.650			-		-		-	-	1.000	Công an TP Đồng Hới
71	HTKT phục vụ xây dựng trụ sở công an xã Đức Ninh	xã Đức Ninh	2024-2025	NQ số 23/NQ-HĐND ngày 13/11/2024	1.750		1.750			-		-		-	-	1.000	Công an TP Đồng Hới

